

1. Phương pháp hay tài liệu được dùng để đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu đều được kiểm tra qua khi viết các test cases?

A. Test Matrix.

B. Checklist.

C. Test bed.

\*D. Traceability Matrix.

2. Kiểm thử phần mềm được thực hiện mà không cần lập kế hoạch, hay lập tài liệu thì được gọi là gì?

\*A. adHoc Testing.

B. Unit Testing.

C. Regression testing.

D. Functional testing.

3. Nhận định nào không đúng khi đề cập đến hoạt động kiểm thử trong mô hình SCRUM?

A. Không có hoạt động kiểm thử.

B. Chỉ có Acceptance testing khi dự án hoàn thành.

C. Chỉ có Unit testing.

\*D. Cả 3 phương án trên đều không đúng

4. Mục đích của kiểm thử phần mềm là?

A. Chứng minh phần mềm hết lỗi.

\*B. Tìm lỗi phần mềm.

C. Tìm và fix lỗi phần mềm.

D. Chứng tỏ làm đúng quy trình phát triển phần mềm.

5. Việc kiểm thử phần mềm nên được thực hiện vào thời điểm nào là tốt nhất?

A. Thực hiện sau khi code xong.

\*B. Thực hiện sớm, thậm chí ngay khi chưa thực hiện code.

C. Thực hiện trước khi bàn giao sản phẩm cho khách hàng

D. Thực hiện khi phần mềm có thể chạy được.

6. Để hoạt động kiểm thử phần mềm được thực hiện sớm nhất có thể thì thời điểm nào sau đây có thể bắt đầu hoạt động kiểm thử?

A. Khi đoạn mã đầu tiên đã sẵn sàng để Unit testing.

\*B. Khi các yêu cầu phần mềm đã được phê duyệt.

C. Khi mã hoàn tất.

D. Khi thiết kế hoàn tất.

7. Nhiệm vụ nào không thuộc trách nhiệm của kiểm thử viên?

A. Thiết kế test case.

B. Thực hiện kiểm thử.

C. Báo cáo lỗi.

\*D. Sửa lỗi mình phát hiện được.

8. Verification trong kiểm thử phần mềm được hiểu là gì?

\*A. Việc kiểm tra quá trình phát triển phần mềm có đúng yêu cầu không?

- B. Kiểm chứng xem sản phẩm có đúng với mong đợi của nhà phát triển không?
- C. Kiểm chứng xem sản phẩm có đáp ứng với các ràng buộc của dự án không?
- D. Kiểm tra xem sản phẩm có phù hợp với môi trường hệ điều hành không?

9. Validation trong kiểm thử phần mềm được hiểu là gì?

- \*A. Xác nhận xem sản phẩm có đáp ứng nhu cầu khách hàng không?
- B. Xác nhận xem sản phẩm có đáp ứng mong đợi của nhà phát triển không?
- C. Xác nhận xem sản phẩm có đáp ứng với các ràng buộc của dự án không?
- D. Xác nhận xem sản phẩm có tương thích với môi trường hệ điều hành không?

10. Tester không được làm trong trường hợp nào sau đây?

- A. Xây dựng test case.
- B. Tham gia lập trình với nhóm khác hoặc trong dự án khác.
- C. Báo cáo lỗi.

\*D. Tự sửa lỗi phần mềm khi thực hiện kiểm thử và phát hiện ra lỗi.

11. Một nhóm kiểm thử luôn tìm thấy từ 90% đến 95% các lỗi có trong hệ thống khi kiểm thử. Trong khi đó giám đốc điều hành lại thất vọng về nhóm kiểm thử vì cho rằng nhóm đã bỏ sót quá nhiều lỗi. Nhưng người dùng họ cảm thấy hài lòng với hệ thống và các lỗi đã xảy ra thường có tác động thấp. Nguyên tắc kiểm thử nào sau đây có nhiều khả năng giúp người nhóm kiểm thử giải thích cho giám đốc điều hành lý do tại sao một số lỗi có thể bị bỏ sót?

\*A. Kiểm thử toàn diện là không khả thi..

- B. Họ sẽ thay đổi công cụ kiểm thử.
- C. Nghịch lý của thuốc trừ sâu.
- D. Sự sai lầm về việc không có lỗi.

12. Điều nào sau đây là quan trọng nhất để thúc đẩy và duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Tester và Developer?

A. Thấu hiểu được những giá trị mà Tester mang lại.

\*B. Giải thích kết quả kiểm thử một cách trung lập.

- C. Xác định cách giải quyết lỗi cho những khách hàng tiềm năng.
- D. Quảng bá phần mềm có chất lượng tốt hơn ngay khi có thể.

13. Điều nào sau đây là một ví dụ về kiểm thử bảng quyết định cho một ứng dụng tài chính được áp dụng ở cấp độ System testing?

A. Một bảng chứa các quy tắc cho sự kết hợp của các đầu vào cho hai trường trên màn hình.

B. Một bảng chứa các quy tắc cho các giao diện giữa các thành phần.

\*C. Một bảng chứa các quy tắc cho các ứng dụng thể chấp.

D. Một bảng chứa các quy tắc lập trình.

14. Tại sao việc đoán lỗi và kiểm thử thăm dò cũng cần trong quá trình kiểm thử phần mềm?

\*A. Họ có thể tìm thấy các lỗi bị bỏ sót mà các kỹ thuật cơ bản khác không phát hiện.

B. Chúng không yêu cầu bất kỳ khóa đào tạo nào để có hiệu quả như các kỹ thuật chính thức.

C. Chúng có thể được sử dụng hiệu quả nhất khi có thông số kỹ thuật tốt.

D. Nhằm đảm bảo rằng tất cả code phải được kiểm thử.

15. Kỹ thuật đoán lỗi trong kiểm thử phần mềm dựa vào điều gì?

A. Dựa vào bảng quyết định.

B. Dựa vào kỹ thuật Boundary value analysis.

C. Dựa vào kỹ thuật Equivalence partitioning.

\*D. Kinh nghiệm và trực giác của người kiểm thử.

16. Câu nào sau đây nói đúng nhất về kiểm thử phần mềm?

\*A. Kiểm thử nên được bắt đầu sớm nhất có thể.

B. Kiểm thử được bắt đầu sau khi code được viết.

C. Kiểm thử được thực hiện một cách kinh tế nhất tại giai đoạn cuối của quá trình phát triển phần mềm.

D. Kiểm thử chỉ có thể được thực hiện bởi một nhóm kiểm thử độc lập.

17. Các quy tắc để phát hiện lỗi là gì?

A. Phần mềm không thực hiện những chức năng có trong đặc tả yêu cầu.

B. Phần mềm thực hiện một số chức năng mà bản đặc tả không đề cập tới.

C. Phần mềm khó hiểu, khó sử dụng, tốc độ chậm.

\*D. Tất cả các phương án trên

18. Kiểm thử phần mềm là?

\*A. Quá trình chứng minh phần mềm có lỗi.

B. Chứng minh phần mềm chạy tốt, không có lỗi.

C. Sửa lỗi.

D. Tất cả các phương án trên.

19. Mục đích của kiểm thử phần mềm?

A. Tìm lỗi càng sớm càng tốt.

B. Tìm nhiều lỗi nhất có thể trong khoảng thời gian và kinh phí cho phép.

C. Góp phần vào việc đảm bảo chất lượng phần mềm.

\*D. Tất cả các phương án trên.

20. Debugging là?

A. Hoạt động phát triển phần mềm.

B. Xác định nguyên nhân gây ra lỗi.

C. Sửa chữa lỗi và được thực hiện bởi developers.

\*D. Tất cả các phương án trên

21. Mô hình vòng đời phát triển phần mềm nào sau đây yêu cầu các hoạt động kiểm thử bắt đầu cùng lúc với các hoạt động phát triển?

A. Water falls model (mô hình thác nước).

B. Spiral model (mô hình xoắn ốc).

\*C. V-model (mô hình chữ V).

D. Linear model (mô hình tuyến tính).

22. Mô hình “chữ V” (V-model) là?

A. Một kỹ thuật kiểm thử phần mềm.

B. Mức độ kiểm thử phần mềm.

C. Kỹ thuật thiết kế Test case.

\*D. Mô hình phát triển phần mềm (SDLC).

23. Chọn phát biểu đúng?

A. Mô hình kiểm thử phần mềm độc lập với mô hình phát triển phần mềm.

\*B. Mô hình kiểm thử phần mềm phụ thuộc vào mô hình phát triển phần mềm.

C. Chỉ có một mô hình kiểm thử phần mềm chữ V.

D. Không cần thiết có mô hình kiểm thử phần mềm.

24. Thứ tự xác minh (verification) trong mô hình chữ V?

\*A. Requirement Analysis, System Design, Architecture Design, Module Design

B. System Design, Architecture Design, Module Design, Requirement Analysis.

C. System Design, Architecture Design, Requirement Analysis, Module Design.

D. Không có đáp án nào đúng.

25. Hoạt động Review có thể được xem là một phần của kiểm thử không?

A. Không, vì chúng thường được áp dụng trước khi kiểm thử.

B. Không, vì chúng áp dụng cho tài liệu phát triển.

\*C. Có, vì nó giúp phát hiện lỗi và cải thiện chất lượng phần mềm.

D. Có, vì là hoạt động bắt buộc cho tất cả các dự án phần mềm.

26. Phát biểu nào phù hợp nhất hoạt động Ad hoc review?

A. Được điều hành bởi người lãnh đạo được đào tạo.

B. Đủ kế hoạch và hồ sơ kiểm thử.

C. Theo quy trình nghiêm ngặt.

\*D. Không cần quy trình hoặc kế hoạch nào.

27. Trong cuộc họp review, thì người được gọi là Moderator có nhiệm vụ gì?

\*A. Điều hành cuộc họp.

B. Lập biên bản cuộc họp.

C. Đọc nội dung văn bản cần review.

D. Viết các tài liệu để review.

28. Việc kiểm thử mà không có tài liệu và kế hoạch được gọi là?

A. Kiểm thử hồi quy.

\*B. Ad hoc Testing.

C. Unit Testing.

D. Acceptance testing.

29. Nhận định về hoạt động kiểm thử trong mô hình phát triển phần mềm SCRUM?

A. Có thực hiện Unit test.

B. Product Owner có thể tham gia hoạt động kiểm thử.

C. Thực hiện kiểm thử dựa trên các User story.

\*D. Tất cả các phương án trên.

30. Phương pháp nào được sử dụng để kiểm tra core code?

A. Ad hoc review

\*B. Thanh tra mã nguồn

C. Debug

D. Kiểm thử hiệu năng.

31. Kỹ thuật đoán lỗi nên được sử dụng như thế nào?

A. Bởi những người kiểm thử thiếu kinh nghiệm.

\*B. Sau khi các kỹ thuật chính thức được áp dụng.

C. Sau khi hệ thống hoạt động.

D. Khi hoàn thành code.

32. Điều nào sau đây KHÔNG phải là kỹ thuật Black box testing?

A. Equivalence partitioning.

B. Bảng quyết định.

\*C. Kiểm tra cú pháp.

D. Boundary value analysis.

33. Một textbox chỉ nhận giá trị ký tự từ [a,.. z], [A,.. Z], [0,.. 9]. Giá trị input nào thuộc lớp tương đương không hợp lệ?

\*A. \$

B. 5

C. j

D. w

34. Nếu có 10 luật (rules) trong bảng quyết định, thì có thể phát sinh bao nhiêu test case?

A. 5

\*B. 10

C. 15

D. 20

35. Kỹ thuật nào sau đây dùng trong kiểm thử chức năng?

A. Kiểm thử tính khả dụng.

B. Performance testing.

\*C. Boundary value analysis.

D. Security testing.

36. Mô tả nào phù hợp cho đoán lỗi?

A. Không thể lặp lại và không nên sử dụng.

B. Chỉ có thể được sử dụng trong kiểm thử thành phần, tích hợp.

\*C. Dùng để bổ sung cho các kỹ thuật kiểm thử chính thức.

D. Chỉ được thực hiện trong Acceptance testing.

37. Kiểm thử theo kỹ thuật Boundary value analysis là gì?

A. Giống như kiểm thử Equivalence partitioning.

\*B. Kiểm tra các giá trị biên, cận trên, cận dưới giá trị biên.

C. Kiểm tra sự kết hợp của các trường hợp đầu vào.

D. Được sử dụng trong chiến lược White box testing.

38. Kỹ thuật nào sau đây là 1 hình thức của kiểm thử chức năng.

\*A. Boundary value analysis.

B. Performance testing.

C. Security testing.

D. Configuration testing.

39. Hoạt động kiểm thử nào sau đây có liên quan đến Boundary value analysis?

A. White box testing và hộp đen

B. White box testing

\*C. Black box testing

D. Tất cả các phương án đều sai.

40. Phát biểu nào dưới đây là đúng về kỹ thuật Equivalence partitioning?

\*A. Một kỹ thuật Black box testing phù hợp với tất cả các cấp độ kiểm thử.

B. Một kỹ thuật White box testing thích hợp để kiểm thử thành phần.

C. Kỹ thuật Black box testing chỉ được sử dụng bởi các nhà phát triển.

D. Một kỹ thuật Black box testing chỉ có thể được sử dụng trong quá trình System testing.

41. Kỹ thuật kiểm thử nào sau đây sử dụng các giá trị input, output để tìm ra các chức năng bị lỗi?

A. White Box Testing

B. Gray Box Testing

\*C. Black Box Testing

D. Open Box Testing

42. Phân tích giá trị biên (Boundary value analysis) thuộc kỹ thuật kiểm thử nào?

\*A. Black Box testing

B. White Box testing

C. System testing

D. Integration Testing

43. Kiểm thử nào sau đây thuộc kỹ thuật Black Box Testing?

\*A. Equivalence partitioning.

B. Code coverage.

C. Fault injection.

D. Basic Path testing.

44. Black Box Testing nên thực hiện khi nào?

A. Thực hiện sau khi code xong.

B. Thực hiện sớm thậm chí ngay chưa thực hiện code.

C. Thực hiện trước khi bàn giao sản phẩm cho khách hàng.

\*D. Thực hiện khi phần mềm có thể chạy được.

45. Quy định của một phần mềm bán bảo hiểm như sau: "Tuổi từ 18 trở lên có thể tự đăng ký mua bảo hiểm...". Những giá trị nào là dùng để kiểm tra giá trị biên ?

\*A. 17, 18, 19.

B. 16,17,18.

C. 18, 19, 20.

D. Tất cả sai.

46. Những kỹ thuật nào sau đây thuộc hình thức Black box testing?

\*A. Lớp tương đương.

B. Basic Path testing

C. Loop Testing.

D. Branch Testing.

47. Một ô nhập liệu Điểm có yêu cầu nhập điểm có phạm vi  $[0,10]$  cho phép nhập số lẻ làm tròn đến 2 số thập phân (ví dụ: 7.25), cho biết cách kiểm tra Điểm theo kỹ thuật Boundary value analysis nào đúng?

A. Input (điểm=11)

B. Input (điểm=9)

\*C. Input (điểm=10)

D. Input (điểm= -1)

48. Behavioral testing là...?

A. White box testing.

\*B. Black box testing.

C. Gray box testing.

D. Clear box testing

49. Kiểm thử hộp đen nhằm phát hiện các lỗi gì?

A. Không đúng hay thiếu một số chức năng, hàm/module.

B. Giao diện không phù hợp, lỗi về giao tiếp.

C. Lỗi về cấu trúc dữ liệu hay thao tác lên dữ liệu bên ngoài.

\*D. Tất cả các phương án trên.

50. Trong các nội dung sau, nội dung nào không phải là kỹ thuật Black box testing?

\*A. Kỹ thuật kiểm thử dòng điều khiển.

B. Kỹ thuật Equivalence partitioning.

C. Kỹ thuật Boundary value analysis.

D. Tất cả các phương án trên.

51. Một hộp thoại trong chương trình chỉ cho phép nhận các giá trị ký tự và chữ số. Giá trị nào sau đây thuộc lớp tương đương hợp lệ?

A. BOOK

B. Book-

\*C. It4You

D. Software Testing.

52. Câu nào sau đây là nhận định sai về kiểm thử tĩnh?

\*A. Thực hiện Unit testing.

B. Thực hiện Review mã nguồn.

C. Thực hiện Review đặc tả yêu cầu.

D. Không thể thực hiện bằng công cụ.

53. Đồ thị dòng điều khiển của một chương trình là một đồ thị có hướng  $G=\langle N,E \rangle$ , trong đó N là gì ?

\*A. Là tập các đỉnh

B. Là tập các cạnh

C. Là tập các đồ thị

D. Là tập các hướng

54. Đồ thị dòng điều khiển của một chương trình là một đồ thị có hướng  $G = \langle N, E \rangle$ , trong đó E là gì ?

A. Là tập các đỉnh.

\*B. Là tập các cạnh.

C. Là tập các đồ thị.

D. Là tập các hướng.

55. Kiểm thử hộp trắng được áp dụng chủ yếu vào giai đoạn nào của kiểm thử phần mềm?

A. Acceptance testing.

\*B. Unit testing.

C. Integration testing.

D. System testing.

56. Câu nào sau đây là đúng?

\*A. Độ bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao.

B. Độ bao phủ càng nhỏ thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao.

C. Độ bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng thấp.

D. Độ bao phủ không ảnh hưởng đến độ tin cậy của bộ kiểm thử.

57. Kỹ thuật nào sau đây không phải là một kỹ thuật của White box testing?

A. Kiểm thử đường dẫn cơ sở.

B. Kiểm thử dòng dữ liệu.

\*C. Kiểm thử Boundary value analysis.

D. Kiểm thử bao phủ dòng lệnh.

58. White box testing còn được gọi là?

A. Kỹ thuật đoán lỗi.

\*B. Kiểm thử cấu trúc.

C. Kỹ thuật dựa vào kinh nghiệm.

D. Kiểm thử dựa vào thiết kế.

59. Thời điểm nào sau đây có thể tiến hành White box testing?

\*A. Sau giai đoạn mã hóa.

B. Sau giai đoạn thiết kế.

C. Sau khi tạo SRS.

D. Sau giai đoạn cài đặt.

60. White box testing không được gọi là?

A. Glass box testing

\*B. Closed box testing

C. Open box testing

D. Clear box testing

61. Kiểm thử được thực hiện bằng cách kiểm tra tất cả mã lệnh gọi là?

A. Unit Testing.



B. Black box testing.

\*C. White box Testing.

D. Regression testing.

62. Kỹ thuật kiểm thử nào sau đây cho phép kiểm tra cấu trúc của chương trình, kiểm thử dữ liệu từ cấu trúc logic của chương trình để đảm bảo rằng tất cả các lệnh và điều kiện được thực hiện ít nhất một lần?

A. Black box Testing

\*B. White box Testing

C. Gray Box Testing

D. Closed Box Testing

63. Cho đoạn code sau đây, test case nào thỏa tiêu chí bao phủ câu lệnh?

```
int liability (int age, char sex, boolean married) {  
    Premium=500;  
    if ((age<25) && (sex==male) && (married==false)) {  
        Premium += 1500;...}  
}
```

A.(20, male, false) và (24, male, false).

B.(25, male, false) và (24, male, false).

\*C.(20, male, false) và (24, male, true).

D.(25, male,false) và (24, male, true).

64. Kiểm thử cấu trúc là một hình thức khác của thuật ngữ nào sau đây?

\*A. White box testing.

B. Black box testing.

C. Unit testing.

D. Gray box testing.

65. Glass box testing còn được là?

A. Black box testing.

B. Unit testing.

C. Gray box testing.

\*D. White box testing.

66. Kiểm thử dựa hoàn toàn vào mã lệnh là loại kiểm thử nào sau đây?

A. Black box testing.

B. Red box testing.

\*C. White box testing.

D. Gray box testing.

67. White box testing là?

\*A. Kỹ thuật phân tích các đoạn code để thiết kế test case.

B. Kỹ thuật thiết kế các giao diện.

C. Kỹ thuật phân tích tính rủi ro.

D. Tất cả các phương án trên.

68. Kiểm thử rẽ nhánh là gì?

- A. Là một kỹ thuật lập trình.
  - B. Không cần viết test case.
  - C. Đòi hỏi yêu cầu phần mềm phải chuẩn.
  - \*D. Thực hiện nhánh đúng và sai của điều kiện kết hợp mỗi nhánh ít nhất 1 lần.
69. Kiểm thử các vòng lặp liên tiếp là?
- \*A. Kiểm thử tuần tự từng vòng lặp từ trên xuống.
  - B. Là kỹ thuật kiểm tra lặp lại nhiều lần.
  - C. Tập hợp nhiều giai đoạn
  - D. Tất cả các phương án trên
70. Kiểm thử theo tiêu chí bao phủ câu lệnh là?
- A. Mỗi lệnh được thực thi liên tục
  - B. Giao diện không phù hợp, lỗi về giao tiếp.
  - C. Lỗi về cấu trúc dữ liệu hay thao tác lên dữ liệu bên ngoài.
  - \*D. Mỗi lệnh được thực thi ít nhất 1 lần.
71. Kiểm thử theo tiêu chí bao phủ quyết định là?
- A. Mỗi điều kiện được thực hiện ít nhất 1 lần cho trường hợp TRUE hoặc FALSE.
  - B. Mỗi điểm quyết định luận lý được thực hiện ít nhất 1 lần cho trường hợp TRUE.
  - \*C. Mỗi điểm quyết định luận lý (có thể nhiều điều kiện đơn kết hợp thành 1 điểm quyết định luận lý) được thực hiện ít nhất 1 lần cho trường hợp TRUE lẫn FALSE.
  - D. Mỗi lệnh được thực thi ít nhất 1 lần.
72. Câu nào sau đây là đúng?
- A. Độ bao phủ kiểm thử càng nhỏ thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao.
  - \*B. Độ bao phủ kiểm thử càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao.
  - C. Độ bao phủ kiểm thử càng lớn thì chi phí kiểm thử càng cao.
  - D. Độ bao phủ kiểm thử không liên quan đến độ tin cậy của bộ kiểm thử.
73. Testing nào dưới đây có liên quan đến kiểm thử phi chức năng?
- A. Kiểm thử đơn vị.
  - B. Kiểm thử hộp đen.
  - \*C. Kiểm thử hiệu suất.
  - D. Không có cái nào ở trên.
74. Usability testing là...?
- \*A. Kiểm thử khả năng sử dụng.
  - B. Kiểm thử độ tin cậy.
  - C. Kiểm thử khả năng bảo trì
  - D. Kiểm thử khả năng tương thích.
75. Efficiency testing là...?
- A. Kiểm thử khả năng tương thích.
  - \*B. Kiểm tra tính hiệu quả.
  - C. Kiểm thử khả năng chịu tải.
  - D. Kiểm thử độ tin cậy.
76. Maintainability testing là...?

\*A. Kiểm thử khả năng bảo trì.

B. Kiểm thử cơ sở.

C. Kiểm thử tài liệu.

D. Kiểm thử quá tải.

77. Compatibility testing là...?

A. Kiểm thử quá tải.

\*B. Kiểm thử khả năng tương thích.

C. Kiểm thử khả năng bảo trì.

D. Kiểm thử độ tin cậy

78. Documentation testing là...?

A. Kiểm thử khả năng sử dụng.

B. Kiểm thử khả năng tương thích.

\*C. Kiểm thử tài liệu.

D. Kiểm thử sức chịu đựng.

79. Configuration testing là?

\*A. Kiểm thử phần mềm chạy được trên các máy tính khác nhau.

B. Kỹ thuật thiết kế các giao diện

C. Kỹ thuật phân tích tính rủi ro

D. Tất cả các phương án trên

80. Kiểm thử tương thích là?

A. Thời gian kéo dài.

B. Khó chỉnh sửa.

C. Đòi hỏi yêu cầu phần mềm phải chuẩn.

\*D. Kiểm thử phần mềm có tương thích với các phần mềm khác trên cùng một máy hoặc tương tác qua môi trường mạng, ...

## **PART 2**

1.

Khi nào thì có thể dừng việc kiểm thử?

2.

Việc kiểm thử có thể bắt đầu vào thời điểm nào?

3.

Hoạt động Verification là gì?

4.

Tester cần có các tố chất nào?

5.

6.

Tại sao ngoài việc áp dụng các kỹ thuật kiểm thử thì vẫn cần kỹ thuật đoán lỗi trong kiểm thử phần mềm?

7.

Có thể kiểm thử hoàn toàn một sản phẩm phần mềm không? Giải thích tại sao?

8.

So sánh việc kiểm thử trong các mô hình thác nước và mô hình chữ V?

9.

Một input nhận giá trị năm sinh trong khoảng [2000, 2010]. Các giá trị biên để kiểm thử cho input field này là?

10.

Kể tên các kỹ thuật dùng trong Black box testing?

11.

Test field lấy năm sinh từ [1994- 2006]. Viết 3 test case cho 3 lớp tương đương?

11.

Quy định Input của một phần mềm tuyển dụng như sau: Tuổi là số nguyên trong khoảng [18, 30] ... hãy cho 3 test case phù hợp để kiểm thử theo kỹ thuật Equivalence partitioning?

12.

Một ô nhập liệu Điểm có yêu cầu nhập điểm có phạm vi [0,10] cho phép nhập số lẻ làm tròn 1 số thập phân (ví dụ: 7.5), cho 3 test case phù hợp để kiểm tra ô nhập liệu trên?

13.

Một ô input trong chương trình chỉ cho phép nhập 5 ký tự gồm cả chữ hoa, thường và ký tự số, hãy cho ít nhất 3 test case để kiểm tra ô input trên?

14.

Cho đoạn code sau đây, hãy thiết kế 2 test case để thỏa tiêu chí bao phủ câu lệnh?

```
int liability (int age, char sex, boolean married) {  
    Premium=500;  
    if ((age<25) && (sex==male) && (married==false)) {  
        Premium += 1500;...}  
    }  
}
```

15.

Compatibility testing là gì?

16.

Sự cần thiết của Configuration testing?

17.

Khi Configuration testing mà ta không đủ các loại phần cứng cần thiết để kiểm tra thì làm sao?

18.

Ưu điểm chính của phương pháp Integration testing từ trên xuống dưới (Top-down) là gì?

19.

Định nghĩa về Test case là? Những nội dung cần có trong mỗi test case là gì?

20.

Như thế nào là một Test case được đánh giá tốt?